

Tăng tỷ trọng

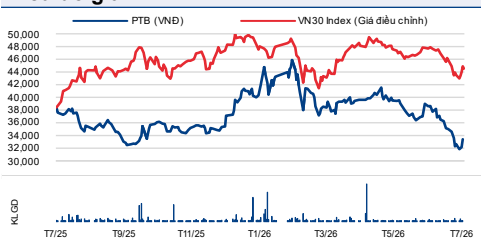
Giá mục tiêu: VNĐ47,700

Tiềm năng tăng/giảm: 42.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	33,500
Mã Bloomberg	PTB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	31,850-45,868
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,550
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	3,229
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	123
Slg CP lưu hành (tr.đv)	96.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	24.1
Slg CP NN được mua (tr.đv)	7.72
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	25.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.0%
Tỷ lệ freefloat	50.9%
Cổ đông lớn	Ban lãnh đạo (45.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	7,300	8,204	8,763
EBITDA đc (tỷ đồng)	893	919	984
LNTT (tỷ đồng)	633	691	743
LNT ĐC (tỷ đồng)	480	516	554
FCF (tỷ đồng)	(25.2)	(107)	246
EPS ĐC (đồng)	4,981	5,348	5,752
DPS (đồng)	2,500	2,500	2,500
BVPS (đồng)	33,273	40,410	43,868
T.trưởng EBITDA (%)	20.9	2.88	7.05
T.trưởng EPS ĐC (%)	34.9	7.38	7.55
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.2	11.2	11.2
Tỷ suất LNTT (%)	8.67	8.42	8.48
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.81	6.51	6.55
Tỷ lệ LN trả CT (%)	48.5	45.1	42.0
Nợ thuần/VCSH (%)	43.3	35.0	32.8
ROAE (%)	16.3	15.0	14.1
ROACE (%)	18.6	17.3	16.3
EV/doanh thu (lần)	0.62	0.55	0.52
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.05	4.90	4.59
P/E ĐC (lần)	6.73	6.26	5.82
P/B (lần)	1.01	0.83	0.76
Lợi suất cổ tức (%)	7.46	7.46	7.46

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PTB là doanh nghiệp lớn về sản xuất đồ gỗ nội thất và chế biến đá; ngoài ra PTB còn là đại lý cho Toyota và đầu tư bất động sản.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Đức Thành Nhân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
nhân.ndt@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Lợi nhuận thuần tăng 2% svck, thấp hơn 9% so với dự báo

- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q2/2026 của PTB lần lượt đạt 2.084 tỷ đồng (+9% svck) và 128 tỷ đồng (+2% svck). Lợi nhuận thuần thấp hơn 9% so với dự báo của HSC ở mức 140 tỷ đồng do tỷ suất lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng.
- Đà tăng trưởng của doanh thu thuần chủ yếu đến từ mảng đá (+27% svck, đạt 615 tỷ đồng) và mảng gỗ (+9% svck, đạt 1.125 tỷ đồng).
- Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 2.084 tỷ đồng (+9% svck) và 277 tỷ đồng (+17% svck), hoàn thành 51% và 52% dự báo cho cả năm 2026.
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu giảm trong thời gian gần đây.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q2/2026 của PTB lần lượt đạt 2.084 tỷ đồng (+9% svck) và 128 tỷ đồng (+2% svck). Lợi nhuận thuần thấp hơn 9% so với dự báo của HSC ở mức 140 tỷ đồng. Mặc dù đà tăng trưởng doanh thu thuần được hỗ trợ bởi mảng đá (+27% svck) và mảng gỗ (+9% svck), lợi nhuận thuần lại tăng với tốc độ chậm hơn. Nguyên nhân chính là do tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp xuống 19,4% (-1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ) cùng với khoản lỗ tài chính 23 tỷ đồng (Q2/2025: lợi nhuận HĐ tài chính 10 tỷ đồng).

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 2.084 tỷ đồng (+9% svck) và 277 tỷ đồng (+17% svck), hoàn thành 51% và 52% dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi. Chi tiết như sau:

Mảng gỗ và đá thúc đẩy tăng trưởng doanh thu

Doanh thu thuần tăng trưởng chủ yếu nhờ đóng góp từ mảng đá (+27% svck) và mảng gỗ (+9% svck). KQKD theo mảng kinh doanh như sau:

Gỗ (đóng góp 54% doanh thu thuần Q2/2026): Doanh thu thuần đạt 1.125 tỷ đồng (+9% svck), nhờ (1) nhu cầu tích cực tại thị trường xuất khẩu, khi kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tăng 8% so với cùng kỳ, và (2) đóng góp mới từ mảng viên nén gỗ, bắt đầu từ Q4/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2 và 6 tháng đầu năm 2026, PTB

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng lần lượt 9% và 2% svck

Tỷ đồng	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck	% db 2026 HSC
Doanh thu thuần	2,084	9%	-1%	4,179	19%	51%
Lợi nhuận gộp	405	4%	-9%	848	15%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19.4%	-1.1 ppts	-1.7 ppts	20.3%	-0.7 ppts	
Chi phí BH&QL	226	-5%	-3%	459	7%	
Chi phí BH&QL/DT	10.8%	-1.6 ppts	-0.3 ppts	11.0%	-1.2 ppts	
Lợi nhuận tài chính	-23	N/m	-19%	-42	N/m	
Thu nhập thuần khác	8	N/m	3,322%	8	N/m	
LNTT	164	3%	-14%	353	17%	
Tỷ suất LNTT	7.8%	-0.5 ppts	-1.2 ppts	8.5%	-0.1 ppts	
Lợi nhuận thuần	128	2%	-15%	277	17%	52%
Tỷ suất LN thuần	6.1%	-0.4 ppts	-1.0 ppts	6.6%	-0.1 ppts	

Nguồn: PTB, HSC

Đá (đóng góp 30% doanh thu thuần Q2/2026): Doanh thu thuần đạt 615 tỷ đồng (+27% svck), nhờ doanh thu xuất khẩu tăng mạnh 53% so với cùng kỳ đạt 309 tỷ đồng. Động lực tăng trưởng chính đến từ đá phục hồi sản lượng xuất khẩu đá thạch anh nhân tạo sang thị trường Mỹ.

Trong khi đó, doanh thu trong nước tăng nhẹ 5% so với cùng kỳ lên 307 tỷ đồng, chủ yếu nhờ việc tăng giá bán để bù đắp chi phí sản xuất cao hơn, dù sản lượng tiêu thụ vẫn yếu do cạnh tranh gay gắt ở phân khúc đá granite.

Phân phối và dịch vụ sửa chữa xe Toyota (đóng góp 14% doanh thu thuần Q2/2026): Doanh thu thuần đạt 289 tỷ đồng (+2% svck), chủ yếu nhờ doanh thu từ dịch vụ sửa chữa xe tăng 24% so với cùng kỳ lên 31 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu phân phối ô tô không đổi so với cùng kỳ ở mức 268 tỷ đồng.

BDS (đóng góp 3% doanh thu thuần Q2/2026): Doanh thu thuần giảm 43% so với cùng kỳ xuống còn 55 tỷ đồng. Doanh thu từ dự án Phú Tài Central Life Quy Nhơn, với 32 căn hộ đã được bàn giao (Q2/2025 không ghi nhận doanh thu do thời điểm bàn giao bắt đầu từ Q4/2025) không đủ để bù đắp cho mức doanh thu sụt giảm tại dự án Phú Tài Residence, nơi số lượng căn hộ được bàn giao giảm 94% so với cùng kỳ xuống chỉ còn 3 căn.

Lợi nhuận thuần thấp hơn 9% so với dự báo do TSLN thấp hơn kỳ vọng

Trong Q2/2026, lợi nhuận thuần đạt 128 tỷ đồng (+2% svck), thấp hơn 9% so với dự báo của HSC ở mức 140 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận thuần thu hẹp 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống 6,1%, chủ yếu do: (1) tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống 19,4%; và (2) lỗ tài chính 23 tỷ đồng (Q2/2025 lợi nhuận HĐ tài chính 10 tỷ đồng), dù tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm 1,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống 10,8%.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận măng đá (-3,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ) và măng gỗ (-0,3 điểm điểm phần trăm so với cùng kỳ) đều bị thu hẹp. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí sản xuất tăng 5-6% so với cùng kỳ, đến từ chi phí nguyên vật liệu và vận tải tăng cao trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông.

Xem xét lại dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu. Dự báo hiện tại của chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần đạt 8.204 tỷ đồng (tăng trưởng 12%) và lợi nhuận thuần đạt 534 tỷ đồng (tăng trưởng 7%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần và tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, PTB

Doanh thu thuần Q2/2026 tăng 9% svck, nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 1,1 điểm % svck do chi phí nguyên vật liệu và vận chuyển tăng.

Tỷ đồng	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck
Doanh thu thuần	2,084	9%	-1%	4,179	19%
Đá	615	27%	35%	1,072	23%
Gỗ	1,125	9%	-13%	2,411	18%
Thương mại & dịch vụ sửa chữa ô tô Toyota	289	2%	21%	528	13%
BDS	55	-43%	-49%	161	29%
Mảng khác	0	-96%	-95%	7	-43%
Lợi nhuận gộp	405	4%	-9%	848	15%
Đá	162	11%	40%	277	11%
Gỗ	214	7%	-22%	490	16%
Thương mại & dịch vụ sửa chữa ô tô Toyota	16	36%	13%	30	39%
BDS	18	-39%	-42%	49	28%
Mảng khác	-5	N/m	N/m	1	-80%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19.4%	-1.1 ppts	-1.7 ppts	20.3%	-0.7 ppts
Đá	26.3%	-3.6 ppts	0.9 ppts	25.9%	-3.0 ppts
Gỗ	19.0%	-0.4 ppts	-2.4 ppts	20.3%	-0.2 ppts
Thương mại & dịch vụ sửa chữa ô tô Toyota	5.4%	1.3 ppts	-0.4 ppts	5.6%	1.0 ppts
BDS	33.3%	1.9 ppts	4.1 ppts	30.6%	-0.4 ppts
Mảng khác	-1,340.1%	N/m	N/m	18.1%	-37.6 ppts

Nguồn: PTB, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	6,466	7,300	8,204	8,763	9,199
Lợi nhuận gộp	1,224	1,500	1,663	1,774	1,856
Chi phí BH&QL	(761)	(848)	(943)	(1,008)	(1,058)
Thu nhập khác	124	20.2	22.7	24.2	25.4
Chi phí khác	(97.4)	(33.3)	(37.5)	(40.0)	(42.0)
EBIT	490	638	705	751	781
Lãi vay thuần	(19.2)	(6.54)	(13.7)	(7.48)	(7.94)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.99	1.10	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	472	633	691	743	774
Chi phí thuế TNDN	(95.7)	(118)	(138)	(149)	(155)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7.64)	(17.5)	(18.8)	(20.2)	(21.0)
LNST không thường xuyên	(14.1)	(17.2)	(18.4)	(19.8)	(20.6)
Lợi nhuận thuần	369	497	534	574	598
Lợi nhuận thuần ĐC	355	480	516	554	577
EBITDA ĐC	739	893	919	984	1,033
EPS (đồng)	3,825	5,159	5,539	5,958	6,202
EPS ĐC (đồng)	3,679	4,981	5,348	5,752	5,988
DPS (đồng)	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	96.4	96.4	96.4	96.4	96.4
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	96.4	96.4	96.4	96.4	96.4
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	96.4	96.4	96.4	96.4	96.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	471	655	871	983	1,184
Đầu tư ngắn hạn	26.1	129	166	177	186
Phải thu khách hàng	1,221	1,278	1,437	1,534	1,611
Hàng tồn kho	1,455	1,784	2,092	2,235	2,346
Các tài sản ngắn hạn khác	140	229	257	275	288
Tổng tài sản ngắn hạn	3,314	4,075	4,823	5,203	5,614
TSCĐ hữu hình	1,543	1,689	1,806	1,904	1,954
TSCĐ vô hình	15.9	24.9	22.3	19.6	16.9
Bất động sản đầu tư	5.15	4.93	4.93	4.93	4.93
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	257	257	257	257	257
Tài sản dài hạn khác	355	342	379	402	419
Tổng tài sản dài hạn	2,175	2,318	2,469	2,587	2,652
Tổng cộng tài sản	5,489	6,393	7,292	7,791	8,267
Nợ ngắn hạn	1,471	1,576	1,771	1,892	1,986
Phải trả người bán	516	554	574	605	625
Nợ ngắn hạn khác	238	326	326	326	326
Tổng nợ ngắn hạn	2,352	2,659	2,860	3,017	3,137
Nợ dài hạn	81.5	359	369	378	377
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	23.1	26.4	26.4	26.4	26.4
Tổng nợ dài hạn	105	385	396	404	403
Tổng nợ phải trả	2,456	3,045	3,255	3,421	3,540
Vốn chủ sở hữu	2,903	3,207	3,895	4,229	4,585
Lợi ích cổ đông thiểu số	130	141	141	141	141
Tổng vốn chủ sở hữu	3,033	3,348	4,036	4,370	4,726
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,489	6,393	7,292	7,791	8,267
BVPS (đ)	30,120	33,273	40,410	43,868	47,570
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,082	1,280	1,270	1,287	1,179

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	490	638	705	751	781
Khấu hao	(248)	(255)	(214)	(233)	(252)
Lãi vay thuần	(19.2)	(6.54)	(13.7)	(7.48)	(7.94)
Thuế TNDN đã nộp	(85.0)	(89.0)	(138)	(149)	(155)
Thay đổi vốn lưu động	775	966	997	1,076	1,131
Khác	(914)	(1,246)	(1,445)	(1,216)	(1,217)
LCT thuần từ HKKD	436	446	221	575	666
Đầu tư TS dài hạn	(225)	(471)	(328)	(329)	(299)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	82.9	31.2	0	0	0
Khác	(45.3)	(38.0)	(36.9)	(22.8)	(17.8)
LCT thuần từ HĐĐT	(187)	(478)	(365)	(351)	(317)
Cổ tức trả cho CSH	(167)	(172)	(167)	(241)	(241)
Thu từ phát hành CP	72.0	0	321	0	0
Tăng/giảm nợ	(118)	383	206	129	93.3
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(213)	210	360	(112)	(148)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	428	471	655	871	983
LCT thuần trong kỳ	36.0	178	216	111	201
Ảnh hưởng của tỷ giá	6.51	6.01	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	471	655	871	983	1,184
Dòng tiền tự do	212	(25.2)	(107)	246	367

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.9	20.5	20.3	20.2	20.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.4	12.2	11.2	11.2	11.2
Tỷ suất LNT (%)	5.70	6.81	6.51	6.55	6.50
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.3	18.7	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	15.1	12.9	12.4	6.81	4.97
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	7.97	20.9	2.88	7.05	5.05
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	43.6	35.4	7.38	7.55	4.09
Tăng trưởng EPS (%)	43.0	34.9	7.38	7.55	4.09
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	43.6	35.4	7.38	7.55	4.09
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	65.4	48.5	45.1	42.0	40.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.1	16.3	15.0	14.1	13.6
ROACE (%)	16.2	18.6	17.3	16.3	15.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.20	1.23	1.20	1.16	1.15
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.70	0.31	0.77	0.85
Số ngày tồn kho	101	112	117	117	117
Số ngày phải thu	85.0	80.4	80.2	80.1	80.1
Số ngày phải trả	36.0	34.9	32.0	31.6	31.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	39.6	43.3	35.0	32.8	28.0
Nợ/tài sản (%)	29.5	32.0	30.7	30.4	29.9
EBIT/lãi vay (lần)	25.5	97.6	51.5	100	98.4
Nợ/EBITDA (lần)	2.20	2.29	2.43	2.41	2.39
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.41	1.53	1.69	1.72	1.79
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.67	0.62	0.55	0.52	0.48
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.84	5.05	4.90	4.59	4.27
P/E (lần)	8.76	6.49	6.05	5.62	5.40
P/E ĐC (lần)	9.11	6.73	6.26	5.82	5.59
P/B (lần)	1.11	1.01	0.83	0.76	0.70
Lợi suất cổ tức (%)	7.46	7.46	7.46	7.46	7.46

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn